

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TỐT NGHIỆP SAU ĐẠI HỌC NĂM 2020

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP LÝ THUYẾT CHUYÊN NGÀNH NĂM 2020

Đối tượng: Bác sĩ Nội trú khóa 42

Ngày thi: 11-12/9/2020

TT	TT CN	Mã học viên	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
1	1	050166170001	Nguyễn Phương Anh	08/09/1993	Chẩn đoán hình ảnh	7.67	
2	2	050166170002	Phan Thị Chung	20/11/1993	Chẩn đoán hình ảnh	7.33	
3	3	050166170003	Trần Cường	03/12/1993	Chẩn đoán hình ảnh	7.58	
4	4	050166170004	Nguyễn Việt Dũng	25/01/1993	Chẩn đoán hình ảnh	7.50	
5	5	050166170005	Mai Văn Hải	15/01/1993	Chẩn đoán hình ảnh	7.00	
6	6	050166170006	Trịnh Thị Thu Hiền	12/08/1993	Chẩn đoán hình ảnh	7.17	
7	7	050166170007	Đặng Quang Hưng	14/02/1993	Chẩn đoán hình ảnh	7.17	
8	8	050166170008	Trịnh Minh Hưng	20/09/1993	Chẩn đoán hình ảnh	7.75	
9	9	050166170009	Trần Bùi Khoa	02/10/1993	Chẩn đoán hình ảnh	7.83	
10	10	050166170010	Nguyễn Thị Khôi	29/03/1993	Chẩn đoán hình ảnh	7.58	
11	11	050166170011	Hoàng Thị Kim Khuyên	17/07/1993	Chẩn đoán hình ảnh	7.92	
12	12	050166170012	Vương Kim Ngân	30/10/1992	Chẩn đoán hình ảnh	8.00	
13	13	050166170013	Nguyễn Văn Nghĩa	10/01/1993	Chẩn đoán hình ảnh	7.50	
14	14	050166170014	Nguyễn Thị Nhân	20/01/1993	Chẩn đoán hình ảnh	8.17	
15	15	050166170015	Nguyễn Bá Phong	02/07/1993	Chẩn đoán hình ảnh	7.58	
16	16	050166170016	Nguyễn Thị Hồng Phượng	26/10/1993	Chẩn đoán hình ảnh	7.17	
17	17	050166170017	Mai Thị Quỳnh	08/02/1993	Chẩn đoán hình ảnh	7.58	
18	18	050166170018	Đặng Ngọc Tài	18/10/1993	Chẩn đoán hình ảnh	7.67	
19	19	050166170019	Đỗ Đăng Tân	01/04/1993	Chẩn đoán hình ảnh	7.67	
20	20	050166170020	Phạm Xuân Thành	07/08/1993	Chẩn đoán hình ảnh	8.00	
21	1	050152170021	Hoàng Thị Hoài	05/07/1993	Da liễu	8.57	
22	2	050152170022	Phạm Diễm Hương	01/05/1993	Da liễu	8.57	
23	3	050152170024	Đặng Thị Lương	20/11/1993	Da liễu	8.91	
24	4	050152170025	Nguyễn Thị Thảo Nhi	24/10/1993	Da liễu	8.49	
25	5	050152170026	Trần Thu Hà Phương	19/11/1993	Da liễu	8.49	
26	6	050152170027	Thái Thị Diệu Vân	23/08/1993	Da liễu	8.66	
27	1	050106170028	Nguyễn Quỳnh Anh	30/07/1993	Dị ứng - MDLS	7.33	
28	2	050106170029	Lê Việt Dũng	27/11/1993	Dị ứng - MDLS	8.17	
29	3	050106170030	Đào Sang Mỹ	05/11/1993	Dị ứng - MDLS	6.92	
30	4	050106170031	Nguyễn Thị Phương Nhung	17/09/1993	Dị ứng - MDLS	9.33	
31	5	050106170032	Nguyễn Văn Hồng Quân	04/07/1993	Dị ứng - MDLS	7.25	
32	1	050303170033	Vũ Ngọc Hà	10/11/1993	Dinh dưỡng	8.75	
33	2	050303170034	Vũ Thị Hà	08/09/1993	Dinh dưỡng	8.75	
34	3	050303170037	Phạm Thị Lan Phương	15/03/1993	Dinh dưỡng	8.75	
35	1	050120170038	Phan Hồng Minh	30/11/1993	Dược lý	7.33	

TT	TT CN	Mã học viên	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
36	1	050121170041	Trần Thanh Hùng	25/12/1993	Gây mê hồi sức	8.08	
37	2	050121170042	Nguyễn Thanh Huyền	26/07/1993	Gây mê hồi sức	8.92	
38	3	050121170043	Nguyễn Thị Mai	01/10/1993	Gây mê hồi sức	7.67	
39	4	050121170044	Ngô Sỹ Quý	18/09/1993	Gây mê hồi sức	7.92	
40	5	050121170045	Nguyễn Duy Thanh	24/11/1993	Gây mê hồi sức	8.08	
41	6	050121170046	Lê Văn Tiến	16/06/1993	Gây mê hồi sức	8.42	
42	7	050121170048	Vũ Quang Tiến	02/06/1993	Gây mê hồi sức	7.58	
43	8	050121170049	Nguyễn Hải Hà Trang	19/06/1993	Gây mê hồi sức	7.58	
44	9	050121170050	Nguyễn Mạnh Trường	23/11/1993	Gây mê hồi sức	8.33	
45	10	050121170051	Lê Anh Tuấn	30/10/1992	Gây mê hồi sức	7.75	
46	12	050121170052	Hoàng Văn Tuấn	27/03/1993	Gây mê hồi sức	7.67	
47	13	050121160031	Nguyễn Thị Thu	18/08/1992	Gây mê hồi sức	8.17	
48	14	050121160035	Phí Thị Hoàng Yến	21/11/1992	Gây mê hồi sức	7.83	
49	1	050102170055	Nguyễn Minh Toàn	12/11/1993	Giải phẫu	8.00	
50	1	050102170056	Đào Thị Huyền	18/02/1992	Giải phẫu bệnh	8.17	
51	2	050102170057	Nguyễn Đa Kiên	17/08/1993	Giải phẫu bệnh	7.67	
52	3	050102170058	Trần Thị Lan	06/10/1993	Giải phẫu bệnh	8.67	
53	4	050102170059	Nguyễn Tùng Ngọc	11/01/1993	Giải phẫu bệnh	7.67	
54	5	050102170060	Vũ Thị Phương	22/05/1993	Giải phẫu bệnh	8.33	
55	6	050102170061	Trần Thị Thúy	21/10/1993	Giải phẫu bệnh	8.42	
56	1	050106170062	Nguyễn Huy Đông	30/03/1993	Hoá sinh y học	8.67	
57	2	050106170063	Phạm Hữu Đức	08/02/1993	Hoá sinh y học	8.33	
58	3	050106170065	Hoàng Ngọc Thành	28/04/1993	Hoá sinh y học	8.17	
59	4	050106170066	Chu Thị Thu	26/08/1993	Hoá sinh y học	9.00	
60	5	050106170067	Lê Văn Toàn	13/11/1993	Hoá sinh y học	8.83	
61	6	050106170068	Lê Vũ Huyền Trang	12/03/1993	Hoá sinh y học	9.00	
62	7	050106170069	Lê Thị Yến	24/09/1993	Hoá sinh y học	8.75	
63	1	050122170070	Nguyễn Tú Anh	12/06/1993	Hồi sức cấp cứu	6.17	
64	2	050122170071	Nguyễn Văn Đạo	15/09/1992	Hồi sức cấp cứu	6.75	
65	3	050122170072	Mai Xuân Đạt	12/02/1993	Hồi sức cấp cứu	7.08	
66	4	050122170074	Hà Quang Huy	02/01/1993	Hồi sức cấp cứu	6.17	
67	5	050122170075	Phạm Huy Khánh	23/08/1993	Hồi sức cấp cứu	6.42	
68	6	050122170076	Nguyễn Việt Thắng	13/01/1993	Hồi sức cấp cứu	6.25	
69	7	050122170077	Phạm Quang Thọ	08/10/1993	Hồi sức cấp cứu	6.75	
70	8	050122170078	Nguyễn Văn Trọng	22/03/1993	Hồi sức cấp cứu	6.67	
71	9	050122170079	Nguyễn Thanh Tú	26/07/1993	Hồi sức cấp cứu	6.00	
72	10	050122160048	Đặng Tuấn Dũng	15/09/1992	Hồi sức cấp cứu	6.67	
73	1	050151170080	Phí Thị Nguyệt Anh	04/11/1993	HH - TM	8.08	
74	2	050151170081	Dương Thị Châm	17/04/1993	HH - TM	8.42	
75	3	050151170082	Nguyễn Thị Chi	01/09/1993	HH - TM	8.58	
76	4	050151170084	Nguyễn Đình Duy	20/06/1993	HH - TM	8.08	

TT	TT CN	Mã học viên	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
77	5	050151170085	Phạm Ngọc Hà	13/04/1993	HH - TM	8.83	
78	6	050151170086	Giáp Văn Hân	20/05/1993	HH - TM	8.25	
79	7	050151170087	Đào Phan Thu Hường	28/01/1993	HH - TM	8.67	
80	8	050151170088	Đỗ Quang Linh	17/11/1993	HH - TM	7.83	
81	9	050151170089	Phạm Thị Thanh Nga	10/01/1993	HH - TM	8.50	
82	10	050151170090	Nguyễn Hồng Sơn	21/10/1993	HH - TM	8.17	
83	11	050151170091	Nguyễn Chí Thành	15/06/1993	HH - TM	7.83	
84	12	050151170092	Lê Thị Thu	16/03/1993	HH - TM	9.17	
85	1	050150170096	Trần Thanh Cường	12/07/1993	Lao và bệnh phổi	7.00	
86	2	050150170097	Phạm Văn Đoàn	08/08/1993	Lao và bệnh phổi	6.58	
87	3	050150170098	Trần Thị Thu Hiền	18/02/1993	Lao và bệnh phổi	7.42	
88	4	050150170099	Vương Thị Hường	14/12/1993	Lao và bệnh phổi	6.67	
89	5	050150170100	Nguyễn Công Minh	17/02/1993	Lao và bệnh phổi	6.92	
90	6	050150170101	Trương Đức Thái	23/05/1993	Lao và bệnh phổi	7.00	
91	7	050150170102	Vũ Thị Thủy	20/01/1993	Lao và bệnh phổi	6.83	
92	1	050106170104	Đào Khánh Linh	08/08/1993	Miễn dịch	9.25	
93	1	050102170106	Nguyễn Thị Mến	18/03/1993	Mô phôi thai học	9.00	
94	2	050102170107	Đào Huy Thành	28/11/1993	Mô phôi thai học	9.08	
95	3	050102170108	Đoàn Phương Thảo	08/07/1993	Mô phôi thai học	8.92	
96	1	050123170109	Hoàng Xuân Tuấn Anh	16/09/1993	Ngoại khoa	7.83	
97	2	050123170110	Lê Tuấn Anh	12/11/1993	Ngoại khoa	6.92	
98	3	050123170111	Lê Tuấn Anh	28/12/1993	Ngoại khoa	7.17	
99	4	050123170112	Cao Đình Bằng	25/07/1993	Ngoại khoa	8.17	
100	5	050123170113	Đoàn Mạnh Cường	14/05/1993	Ngoại khoa	7.42	
101	6	050123170115	Nguyễn Tất Đặng	11/04/1993	Ngoại khoa	7.67	
102	7	050123170116	Nguyễn Tiến Đạt	21/01/1993	Ngoại khoa	7.17	
103	8	050123170117	Cao Tuấn Đạt	15/12/1992	Ngoại khoa	7.67	
104	9	050123170118	Nguyễn Bá Đạt	24/01/1993	Ngoại khoa	7.33	
105	10	050123170119	Trịnh Minh Đức	07/03/1993	Ngoại khoa	7.08	
106	11	050123170120	Trần Quang Đức	21/11/1993	Ngoại khoa	7.17	
107	12	050123170121	Hoàng Hữu Đức	25/06/1993	Ngoại khoa	6.50	
108	13	050123170122	Trần Đình Dũng	07/10/1992	Ngoại khoa	8.25	
109	14	050123170123	Nguyễn Duy Gia	10/01/1993	Ngoại khoa	7.58	
110	15	050123170124	Nguyễn Ngọc Hà	23/04/1993	Ngoại khoa	7.58	
111	16	050123170125	Phạm Huy Hoàng	13/08/1993	Ngoại khoa	7.17	
112	17	050123170126	Hà Văn Hồng	20/05/1992	Ngoại khoa	7.67	
113	18	050123170127	Lê Văn Hùng	02/11/1993	Ngoại khoa	8.08	
114	19	050123170128	Phạm Quang Hùng	23/02/1993	Ngoại khoa	8.50	
115	20	050123170129	Nguyễn Đức Linh	14/04/1993	Ngoại khoa	8.00	
116	21	050123170130	Phan Hồng Long	14/09/1993	Ngoại khoa	7.75	
117	22	050123170131	Nguyễn Thành Luân	25/11/1993	Ngoại khoa	7.08	

TT	TT CN	Mã học viên	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
118	23	050123170132	Nguyễn Quang Minh	11/02/1993	Ngoại khoa	7.92	
119	24	050123170133	Chu Ngọc Minh	14/09/1993	Ngoại khoa	7.58	
120	25	050123170134	Nguyễn Đức Phan	04/08/1993	Ngoại khoa	7.75	
121	26	050123170135	Nguyễn Như Phong	26/06/1993	Ngoại khoa	7.67	
122	27	050123170136	Nguyễn Đình Phú	27/12/1993	Ngoại khoa	7.67	
123	28	050123170138	Hà Văn Quý	24/04/1993	Ngoại khoa	7.08	
124	29	050123170139	Nguyễn Hoàng Sơn	08/10/1993	Ngoại khoa	6.92	
125	30	050123170140	Lê Đức Tâm	05/08/1993	Ngoại khoa	7.42	
126	31	050123170141	Bùi Minh Thắng	12/11/1993	Ngoại khoa	8.17	
127	32	050123170142	Dương Duy Thanh	26/08/1993	Ngoại khoa	8.33	
128	33	050123170143	Kiều Hữu Thọ	12/03/1993	Ngoại khoa	8.00	
129	34	050123170144	Ngô Văn Thông	08/05/1993	Ngoại khoa	6.83	
130	35	050123170145	Dương Văn Tiến	06/12/1993	Ngoại khoa	7.25	
131	36	050123170146	Hoàng Văn Trung	21/07/1993	Ngoại khoa	7.58	
132	37	050123170148	Nguyễn Quốc Tuấn	24/05/1992	Ngoại khoa	8.00	
133	1	050157170149	Mai Lan Anh	16/12/1993	Nhân khoa	6.57	
134	2	050157170150	Nguyễn Công Huân	06/05/1993	Nhân khoa	6.57	
135	3	050157170152	Nguyễn Thị Hà Mi	03/03/1993	Nhân khoa	7.14	
136	4	050157160102	Trần Thị Thu Hằng	27/01/1992	Nhân khoa	7.43	
137	1	050135170153	Lê Nhật Cường	01/06/1993	Nhi khoa	8.33	
138	2	050135170154	Lê Thị Minh Hằng	01/02/1993	Nhi khoa	7.92	
139	3	050135170155	Nguyễn Thị Hằng	06/11/1993	Nhi khoa	7.67	
140	4	050135170156	Đào Thị Hiền	09/08/1993	Nhi khoa	8.00	
141	5	050135170157	Hoàng Thị Yến Hoa	22/08/1993	Nhi khoa	7.42	
142	6	050135170158	Đinh Thị Hoa	29/05/1993	Nhi khoa	7.75	
143	7	050135170159	Phạm Thị Hồng	13/06/1993	Nhi khoa	8.58	
144	8	050135170160	Hà Tùng Lâm	22/10/1993	Nhi khoa	7.42	
145	9	050135170161	Thân Thị Thùy Linh	16/06/1993	Nhi khoa	7.42	
146	10	050135170162	Lê Thùy Linh	11/09/1993	Nhi khoa	8.08	
147	11	050135170163	Trần Duy Mạnh	03/09/1993	Nhi khoa	8.17	
148	12	050135170164	Phan Ngọc	30/04/1993	Nhi khoa	8.67	
149	13	050135170165	Lưu Thị Thảo Nguyên	19/07/1993	Nhi khoa	7.92	
150	14	050135170166	Phan Văn Nhã	10/01/1993	Nhi khoa	8.00	
151	15	050135170168	Bùi Thị Thúy Quỳnh	20/12/1993	Nhi khoa	8.08	
152	16	050135170169	Trần Thị Minh Trang	14/12/1993	Nhi khoa	7.92	
153	17	050135170171	Nguyễn Đức Tuấn	20/10/1993	Nhi khoa	7.92	
154	18	050135170172	Trần Minh Vương	21/04/1993	Nhi khoa	7.08	
155	19	050135170173	Phạm Thị Hải Yến	12/09/1993	Nhi khoa	7.25	
156	20	050135160106	Phạm Thị Bình	30/06/1992	Nhi khoa	7.83	
157	1	050140170174	Trần Thị Hoàng Anh	01/12/1993	Nội khoa	7.83	
158	2	050140170175	Phạm Thị Phương Anh	04/09/1993	Nội khoa	7.25	

TT	TT CN	Mã học viên	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
159	3	050140170176	Lê Văn Anh	24/03/1993	Nội khoa	6.92	
160	4	050140170178	Lê Thị Dương	22/12/1992	Nội khoa	7.42	
161	5	050140170179	Phạm Ngọc Hà	13/08/1993	Nội khoa	6.83	
162	6	050140170180	Cần Thị Hằng	14/08/1993	Nội khoa	7.58	
163	7	050140170181	Văn Thị Thu Hiền	29/04/1993	Nội khoa	7.08	
164	8	050140170182	Vũ Thị Thu Hồng	24/08/1993	Nội khoa	7.25	
165	9	050140170183	Đỗ Thị Hồng	09/11/1992	Nội khoa	7.92	
166	10	050140170184	Nguyễn Trọng Hưng	03/02/1993	Nội khoa	8.08	
167	11	050140170185	Vũ Thị Huyền	05/01/1993	Nội khoa	6.92	
168	12	050140170186	Hà Đình Khải	22/11/1993	Nội khoa	7.42	
169	13	050140170187	Nguyễn Văn Khanh	14/12/1993	Nội khoa	6.50	
170	14	050140170188	Phạm Khắc Khiêm	22/08/1993	Nội khoa	6.67	
171	15	050140170189	Nguyễn Thị Lan	21/04/1993	Nội khoa	7.58	
172	16	050140170190	Thân Thị Ngọc Lan	28/07/1992	Nội khoa	7.58	
173	17	050140170191	Phạm Thị Thùy Linh	11/12/1993	Nội khoa	7.50	
174	18	050140170192	Đặng Thị Lỡn	20/11/1993	Nội khoa	7.42	
175	19	050140170193	Nguyễn Thành Nam	30/01/1993	Nội khoa	6.58	
176	20	050140170194	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	01/11/1993	Nội khoa	7.25	
177	21	050140170195	Uông Ngọc Nguyên	10/06/1993	Nội khoa	7.83	
178	22	050140170196	Hoàng Thị Oanh	20/06/1993	Nội khoa	6.83	
179	23	050140170197	Nguyễn Thị Phương	01/09/1993	Nội khoa	7.25	
180	24	050140170198	Nguyễn Văn Sáng	15/09/1993	Nội khoa	7.17	
181	25	050140170199	Trần Thị Tân	06/11/1993	Nội khoa	6.92	
182	26	050140170200	Trương Ngọc Thái	10/12/1993	Nội khoa	7.50	
183	27	050140170201	Phạm Thị Lan Thanh	09/03/1993	Nội khoa	6.42	
184	28	050140170202	Dương Công Thành	26/08/1993	Nội khoa	7.42	
185	29	050140170203	Nguyễn Huy Thông	30/11/1993	Nội khoa	6.50	
186	30	050140170204	Dương Thị Thùy	07/09/1993	Nội khoa	6.50	
187	31	050140170205	Đào Thị Trang	21/04/1993	Nội khoa	7.25	
188	32	050140170206	Bùi Thị Thu Trang	04/11/1993	Nội khoa	6.92	
189	33	050140170207	Lê Thị Huyền Trang	17/09/1993	Nội khoa	7.58	
190	34	050140170208	Vũ Thị Thục Trang	26/11/1993	Nội khoa	7.00	
191	35	050140160139	Phạm Thị Hồng Nhung	02/09/1992	Nội khoa	7.17	
192	36	050140160145	Phùng Thị Thơm	27/07/1992	Nội khoa	7.83	
193	1	050140170209	Vũ Mạnh Cường	08/10/1993	Nội tim mạch	7.73	
194	2	050140170210	Lê Văn Đạt	16/07/1993	Nội tim mạch	7.56	
195	3	050140170211	Trần Ngọc Dũng	24/10/1993	Nội tim mạch	7.82	
196	4	050140170212	Nguyễn Đăng Dương	28/07/1993	Nội tim mạch	8.24	
197	5	050140170213	Trần Sơn Hải	12/06/1993	Nội tim mạch	7.56	
198	6	050140170215	Nguyễn Thế Nam Huy	30/09/1993	Nội tim mạch	7.82	
199	7	050140170216	Lê Quang Huy	12/10/1993	Nội tim mạch	7.73	

TT	TT CN	Mã học viên	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
200	8	050140170217	Ngô Đức Mạnh	22/03/1993	Nội tim mạch	7.56	
201	9	050140170218	Vũ Quốc Oai	17/10/1993	Nội tim mạch	7.82	
202	10	050140170219	Vũ Hồng Phú	17/09/1993	Nội tim mạch	7.56	
203	11	050140170220	Nguyễn Đình Phúc	03/11/1993	Nội tim mạch	7.90	
204	12	050140170221	Nguyễn Văn Thành	12/09/1993	Nội tim mạch	7.48	
205	13	050140170222	Lê Thị Thảo	08/09/1992	Nội tim mạch	7.82	
206	14	050140170223	Phùng Đình Thọ	01/05/1993	Nội tim mạch	7.82	
207	15	050140170224	Đặng Thu Trang	09/03/1993	Nội tim mạch	7.82	
208	16	050140170225	Nguyễn Duy Tuấn	18/01/1993	Nội tim mạch	8.49	
209	17	050140170226	Ngô Quang Tùng	22/09/1993	Nội tim mạch	7.65	
210	1	050123170227	Nguyễn Diệu Linh	07/10/1993	Phẫu thuật tạo hình	7.67	
211	2	050123170228	Trương Văn Phú	16/02/1993	Phẫu thuật tạo hình	7.25	
212	3	050123170229	Tạ Thị Hà Phương	03/03/1993	Phẫu thuật tạo hình	7.67	
213	4	050123170230	Nguyễn Quang Rực	12/04/1993	Phẫu thuật tạo hình	7.33	
214	5	050123170231	Nguyễn Trần Thành	12/11/1993	Phẫu thuật tạo hình	8.00	
215	6	050123170232	Nguyễn Thị Vân	21/10/1993	Phẫu thuật tạo hình	8.00	
216	7	050123160161	Hoàng Thị Vân	24/09/1992	Phẫu thuật tạo hình	8.33	
217	1	050333170233	Trần Hữu Đạt	11/09/1993	Phục hồi chức năng	8.25	
218	2	050333170234	Nguyễn Quang Dự	28/07/1993	Phục hồi chức năng	8.75	
219	3	050333170235	Nguyễn Thị Nga	17/11/1993	Phục hồi chức năng	8.75	
220	4	050333170236	Phạm Đình Phương	20/08/1992	Phục hồi chức năng	8.83	
221	5	050333170237	Nguyễn Thị Minh Quý	02/03/1993	Phục hồi chức năng	8.50	
222	6	050333170238	Kim Anh Tùng	17/08/1993	Phục hồi chức năng	8.50	
223	1	050601170239	Mai Văn Cường	27/03/1993	Răng Hàm Mặt	6.00	
224	2	050601170240	Phạm Quang Dương	18/09/1993	Răng Hàm Mặt	6.25	
225	3	050601170241	Chữ Thị Thu Hương	10/10/1993	Răng Hàm Mặt	7.67	
226	4	050601170242	Đình Quang Nhật	27/04/1993	Răng Hàm Mặt	6.00	
227	5	050601170243	Lâm Thị Sen	15/09/1993	Răng Hàm Mặt	6.67	
228	6	050601170244	Vũ Thành Trung	09/02/1993	Răng Hàm Mặt	6.42	
229	7	050601160169	Đình Thanh Thùy	20/08/1992	Răng Hàm Mặt	7.42	
230	1	050131170245	Nguyễn Thị Huyền Anh	25/03/1993	Sản phụ khoa	7.92	
231	2	050131170246	Nguyễn Tài Đức	04/12/1992	Sản phụ khoa	7.33	
232	3	050131170247	Tăng Văn Dũng	10/12/1993	Sản phụ khoa	8.33	
233	4	050131170248	Lê Sỹ Dũng	22/12/1993	Sản phụ khoa	6.92	
234	5	050131170250	Nguyễn Thị Hằng	13/10/1993	Sản phụ khoa	7.50	
235	6	050131170251	Vũ Ngọc Mai	15/09/1993	Sản phụ khoa	7.17	
236	7	050131170252	Đỗ Thông Minh	08/03/1993	Sản phụ khoa	7.58	
237	8	050131170253	Đào Hồng Phượng	14/09/1993	Sản phụ khoa	8.42	
238	9	050131170254	Vũ Bích Phương	02/09/1993	Sản phụ khoa	6.50	
239	1	050106170255	Đỗ Duy Giang	19/03/1993	Sinh lý học	8.50	
240	2	050106170257	Nguyễn Minh Phương	07/02/1993	Sinh lý học	7.50	

TT	TT CN	Mã học viên	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
241	3	050106170259	Trịnh Thị Trang	17/10/1993	Sinh lý học	7.25	
242	1	050155170260	Đỗ Trung Đức	07/01/1993	Tai Mũi Họng	8.42	
243	2	050155170261	Lý Văn Hùng	20/08/1993	Tai Mũi Họng	0.00	Không thi
244	3	050155170262	Nguyễn Thị Oanh	28/08/1993	Tai Mũi Họng	8.17	
245	4	050155170263	Hoàng Sỹ Quý	20/05/1993	Tai Mũi Họng	7.58	
246	5	050155170264	Ngô Duy Thịnh	25/12/1993	Tai Mũi Họng	8.00	
247	6	050155170265	Nguyễn Thị Thu Thúy	09/01/1993	Tai Mũi Họng	8.17	
248	7	050155170266	Nguyễn Anh Tuấn	20/10/1993	Tai Mũi Họng	7.92	
249	8	050155160185	Lê Thị Minh Vượng	29/12/1992	Tai Mũi Họng	8.67	
250	1	050147170268	Nguyễn Kim Anh	19/09/1993	Tâm thần	8.08	
251	2	050147170269	Đỗ Thùy Dung	20/11/1993	Tâm thần	7.92	
252	3	050147170270	Vũ Văn Hoài	06/12/1993	Tâm thần	8.17	
253	4	050147170275	Đặng Hải Tú	11/06/1993	Tâm thần	7.92	
254	5	050147170276	Phạm Thế Văn	07/12/1993	Tâm thần	8.08	
255	1	050147170277	Dương Thị Hà	01/02/1993	Thần kinh	8.75	
256	2	050147170278	Nguyễn Công Hoàng	20/08/1992	Thần kinh	8.00	
257	3	050147170279	Vũ Thu Hương	21/06/1993	Thần kinh	8.33	
258	4	050147170280	Đặng Xuân Khánh	22/03/1993	Thần kinh	8.58	
259	5	050147170281	Nguyễn Huệ Linh	29/09/1993	Thần kinh	8.83	
260	6	050147170282	Nguyễn Thị Ngọc	23/02/1993	Thần kinh	8.58	
261	7	050147170284	Chu Văn Vinh	11/11/1993	Thần kinh	8.33	
262	8	050147170285	Vũ Thị Hoàng Yến	08/03/1993	Thần kinh	7.33	
263	9	050147170286	Nguyễn Thị Hải Yến	15/06/1993	Thần kinh	8.75	
264	1	050153170287	Cao Thế Hưng	22/07/1993	Truyền nhiễm và CBNĐ	7.33	
265	2	050153170288	Nguyễn Quang Huy	15/08/1992	Truyền nhiễm và CBNĐ	7.25	
266	3	050153170291	Nguyễn Thị Lương	12/10/1991	Truyền nhiễm và CBNĐ	7.42	
267	4	050153170292	Tạ Thị Lưu	05/02/1993	Truyền nhiễm và CBNĐ	8.50	
268	5	050153170293	Nguyễn Đức Minh	28/06/1993	Truyền nhiễm và CBNĐ	7.58	
269	6	050153170294	Trần Văn Quý	24/01/1993	Truyền nhiễm và CBNĐ	7.67	
270	7	050153170295	Đàm Thị Thanh Tâm	23/06/1993	Truyền nhiễm và CBNĐ	7.58	
271	8	050153170297	Trần Tiến Tùng	02/06/1993	Truyền nhiễm và CBNĐ	7.33	
272	9	050153170298	Nguyễn Hải Yến	20/12/1993	Truyền nhiễm và CBNĐ	7.42	
273	10	050153160204	Nguyễn Thị Thu Phương	15/06/1992	Truyền nhiễm và CBNĐ	7.00	
274	1	050149170299	Trần Đình Anh	06/01/1993	Ung thư	8.83	
275	2	050149170300	Nguyễn Việt Anh	19/09/1993	Ung thư	8.92	
276	3	050149170301	Lê Thế Đường	25/05/1993	Ung thư	8.75	
277	4	050149170302	Nguyễn Xuân Hiền	12/02/1993	Ung thư	8.67	
278	5	050149170303	Nguyễn Thị Hoa	15/10/1993	Ung thư	8.17	
279	6	050149170304	Cần Thị Ánh Hồng	15/07/1993	Ung thư	8.33	
280	7	050149170305	Nguyễn Quốc Hùng	24/08/1993	Ung thư	7.92	
281	8	050149170306	Mai Thị Ngọc	15/03/1993	Ung thư	8.67	

TT	TT CN	Mã học viên	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Điểm	Ghi chú
282	9	050149170307	Nguyễn Thị Thu Nhung	02/07/1993	Ung thư	8.25	
283	10	050149170308	Hoàng Đức Thành	07/09/1993	Ung thư	8.33	
284	11	050149170309	Đậu Thị Thu	20/10/1993	Ung thư	8.92	
285	12	050149170310	Nguyễn Minh Thuận	22/08/1993	Ung thư	8.33	
286	13	050149170312	Mai Thế Vương	29/11/1993	Ung thư	8.92	
287	1	050201170321	Lê Thị Thu Hương	22/05/1993	Y học cổ truyền	8.25	
288	2	050201170322	Hồ Nhật Minh	18/08/1993	Y học cổ truyền	7.00	
289	3	050201170323	Lưu Văn Nam	01/11/1992	Y học cổ truyền	8.00	
290	4	050201170324	Lã Kiều Oanh	28/08/1993	Y học cổ truyền	8.25	
291	5	050201170325	Dương Hồng Quân	09/12/1993	Y học cổ truyền	8.92	
292	6	050201170326	Nguyễn Thịnh	07/09/1993	Y học cổ truyền	8.17	
293	7	050201170328	Trần Thu Thủy	08/10/1993	Y học cổ truyền	8.25	
294	1	050163170329	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	06/08/1993	Y học dự phòng	7.25	
295	2	050163170331	Tạ Thị Kim Nhung	02/08/1993	Y học dự phòng	7.67	
296	3	050140170335	Nguyễn Thị Phóng	12/05/1993	Y học gia đình	8.67	
297	4	050140170336	Đồng Thị Hằng Phương	04/07/1993	Y học gia đình	7.75	
298	1	050106170340	Phan Văn Hưởng	02/05/1993	Y sinh học di truyền	7.42	
299	2	050106170343	Nguyễn Minh Thu	05/06/1993	Y sinh học di truyền	7.83	
300	3	050106170344	Trần Thị Hải Yến	10/09/1993	Y sinh học di truyền	7.08	

Tổng số: 300 Học viên /34 chuyên ngành./.

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2020

K. HIỆU TRƯỞNG

P. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP SDH



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Quốc Hưng